TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN *Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam*

THÀNH PHỐ HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

************ ====0O0====

Bản án số: 03/2019/KDTM-ST
Ngày: 06/6/2019
"V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

Nhân danh

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông **Nguyễn Khắc Hải.**

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông **Đàm Hữu Long.**

Ông **Nguyễn Duy Tuyên.**

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà **Nguyễn Hà Ngân** – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Loan**- Kiểm sát viên

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn -thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 14/2018/TLST-KDTM ngày 03/10/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/QĐXX - ST ngày 12 tháng 02 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/ QĐST- KDTM ngày 11/3/2019 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 02/TB-TA ngày 09/5/2019 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: **Công ty TNHH một thành viên XG**

Địa chỉ: Thôn HL- xã LH- huyện Vĩnh Tường- tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện theo pháp luật: Bà ***Dương Thị G***- Giám đốc.

2- Bị đơn: **Công ty cổ phần sản xuất bao bì và xuất nhập khẩu TL.**

Địa chỉ: Thôn DH- xã TD- huyện Sóc Sơn- T/p Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông ***Trần L***- Giám đốc.

(Có mặt bà G, vắng mặt ông L)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 18/12/2017 và các lời khai tiếp theo, bà Dương Thị G là giám đốc công ty TNHH một thành viên XG đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH một thành viên XG (sau đây gọi tắt là Công ty XG) do bà G làm giám đốc có ký kết hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT ngày 07/4/2017 với Công ty cổ phần bao bì và xuất

nhập khẩu TL (sau đây gọi tắt là công ty TL) do ông Trần L làm giám đốc đại diện, nội dung thỏa thuận hai bên mua bán hàng hóa là manh dệt P.P, manh cuộn màu trắng. Cụ thể, công ty XG sẽ sản xuất theo đơn hàng công ty TL yêu cầu là loại manh dệt màu trắng, sợi chỉ dau, mật độ dệt 12x14 sợi/inch, đóng gói cuộn chặt bọc ngoài tránh bụi bẩn, đơn giá là 24.000đ/kg (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng), phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản sau khi hàng nhập kho bên mua từ 05 đến 14 ngày, ngoài ra còn nhiều thỏa thuận khác. Hiệu lực của hợp đồng đến hết ngày 31/12/2017.

Thực hiện thỏa thuận theo hợp đồng đã ký kết, hai bên đã mua bán với nhau nhiều lần (khoảng 8 lần) sau đó công ty TL chây ì không thanh toán viện ra nhiều lý do để không trả tiền. Giữa hai bên đã lập biên bản chốt công nợ hai lần, lần thứ nhất hai bên lập biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/7/2017 để chốt nợ từ ngày 17/5/2017 đến hết ngày 19/6/2017 cụ thể hai bên xác định công ty TL còn nợ công ty XG tổng cộng 541.904.000đ. Lần thứ hai, giữa công ty XG và công ty TL lại tiếp tục đối chiếu công nợ và lập Biên bản đối chiếu công nợ mua bán manh dệt từ ngày 25/7/2017 đến 12/12/2017, đại diện công ty TL là ông Trần L đã ký xác nhận. Sở dĩ có sự đối chiếu lại công nợ vì vào ngày 25/7/2017công ty TL có chuyển trả 150.000.000đ tiền hàng vào tài khoản công ty nên mới đối chiếu lại. Tuy nhiên tại thời điểm đó công ty TL đã đặt một đơn hàng là 10 tấn manh dệt khổ 48 có trị giá 150.000.000đ sau đó không lấy, hiện hàng vẫn tồn tại kho của công ty XG. Tại Biên bản đối chiếu công nợ lần hai đã xác định sau khi trừ số tiền 150 triệu chuyển khoản trả ngày 25/7/2017 thì Công ty TL còn nợ lại tổng cộng là 391.544.000đ, tuy nhiên tôi đại diện cho công ty XG yêu cầu số tiền chuyển khoản này trừ vào tiền hàng chưa lấy theo đơn đặt hàng trước đó trị giá 150.000.000đ nên vẫn ghi lại tổng nợ là 541.544.000đ.

Công ty XG đã nhiều lần yêu cầu công ty TL thanh toán nhưng công ty TL chây ì, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ làm thiệt hại cho công ty rất nhiều. Nay công ty XG yêu cầu công ty TL phải thanh toán hết số tiền còn nợ lại theo Biên bản đối chiếu công nợ lần hai là 391.544.000đ, ngoài ra còn yêu cầu Tòa án tính lãi đối với số tiền chậm trả do vốn sản xuất cũng phải vay từ ngân hàng, công ty yêu cầu tính lãi theo lãi ngân hàng kể từ thời điểm trả một phần gốc cuối cùng là ngày 25/7/2017 trên tổng số tiền nợ đã đối chiếu và được thừa nhận, số tiền lãi theo yêu cầu là 56.899.920đ. Ngoài hai yêu cầu thanh toán nợ gốc và tính lãi chậm trả, công ty XG còn yêu cầu Tòa án buộc công ty TL phải có nghĩa vụ thanh toán 150.000.000đ tiền hàng đặt khổ 48 công ty đã sản xuất nhưng công ty TL vẫn chưa lấy.

Ngày 14/02/2019 bà G đại diện cho công ty XG có lời khai rút yêu cầu thanh toán 150.000.000đ tiền hàng đặt khổ 48 đối với công ty TL và chốt lại yêu cầu thanh toán tiền gốc theo biên bản đối chiếu công nợ lần hai vào ngày 12/12/2017.

Tại phiên tòa bà G đại diện cho công ty XG tiếp tục rút yêu cầu về tính lãi đối với số tiền chậm trả, chỉ còn giữ lại yêu cầu duy nhất là buộc công ty TL phải thanh toán trả hết số tiền hàng theo biên bản đối chiếu công nợ lần hai là 391.544.000đ.

Đối với bị đơn là Công ty cổ phần sản xuất bao bì và XNK TL:

Trong hai buổi làm việc ngày 10/10/2018 và 05/11/2018, đại diện cho công ty là ông Trần L có lời khai xác định: Công ty cổ phần sản xuất bao bì và xuất nhập khẩu TL là công ty gia đình được thành lập ngày 07/12/2016, có mã số doanh nghiệp là 010296124, thay đổi đăng ký lần 4 vào ngày 22/3/2017, trụ sở chính tại thôn DH, xã TD, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Hiện công ty vẫn ở địa chỉ này nhưng đã dừng hoạt động sản xuất do bị các cơ quan Nhà nước không cho phép sản xuất bao bì từ phế liệu do ô nhiễm môi trường.

Công ty TL có ký hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT ngày 07/4/2017 với Công ty XG, nội dung thỏa thuận hai bên mua bán hàng hóa là manh dệt P.P, manh cuộn màu trắng như nguyên

đơn trình bày. Lý do hai bên ký kết hợp đồng là do tại nơi công ty đặt xưởng sản xuất đang bị cấm sản xuất phế liệu do có vi phạm về bảo vệ môi trường của các xưởng khác trong khu vực, công ty TL có nhiều đơn hàng đã ký nên phải mua lại của công ty XG để chuyển cho các đối tác. Hai bên đã nhiều lần mua bán với nhau và đều thanh toán đầy đủ nhưng về sau hàng của công ty XG sản xuất không đảm bảo chất lượng, pha tỉ lệ bột đá quá cao dẫn đến hàng bị dòn, lỗi. Công ty bị đối tác trả lại và không thanh toán cũng như cắt hợp đồng cung ứng. Ngày 05/7/2017 giữa hai công ty đã tiến hành đối chiếu công nợ và chốt số nợ giữa hai công ty còn lại là 541.904.000đ. Sau khi chốt công nợ thì công ty TL đã chuyển khoản trả 150.000.000đ vào tài khoản của công ty XG vào ngày25/7/2017 và có một lần trả 150.000.000đ nhưng không nhớ ngày (sau này xác định trả vào ngày 02/6/2017). Công ty TL xác định chỉ còn nợ công ty XG 241.904.000đ tiền hàng và đề nghị công ty XG cho trả nợ dần, công ty TL cũng không chấp nhận yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm trả của công ty XG.

Công ty TL do ông Trần L làm giám đốc chỉ đến Toàn án làm việc hai lần vào các ngày10/10/2018 và 05/11/2018 sau đó vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết. Toà án đã phải tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sỏt nhõn dõn huyện Sóc Sơntham gia phiờn tũa sau khi nhận xột, đỏnh giỏ quỏ trỡnh giải quyết vụ ỏn của Thẩm phỏn, Hội đồng xột xử và sự chấp hành phỏp luật của cỏc đương sự đó xỏc định:

Căn cứ pháp luật áp dụng :

- Các Điều 351, 428, 429, 440 Bộ luật Dõn sự.
- Khoản 1 Điều 24, Điều 50 Luật Thương mại.
- Điều 30,Điều 35, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng ỏn phớ và lệ phớ Tũa ỏn.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc Cụng ty TL phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 12/12/2017. Công ty TL còn phải chịu lãi theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

+ Về án phí: Vụ ỏn ỏp dụng ỏn phớ cú giỏ ngạch. Công ty TL phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; Hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho công ty XG.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là Công ty TNHH một thành viên XG do bà Dương Thị G là giám đốc đại diện theo pháp luật khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đối với Công ty cổ phần sản xuất bao bì và xuất nhập khẩu TL (do ông Trần L làm giám đốc đại diện theo pháp luật) có địa chỉ tại: DH- TD- Sóc Sơn- Hà Nội về việc công ty TL không thanh toán tiền mua bán hàng hóa là manh dệt PP. Đây là tranh chấp kinh doanh

thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS. Việc Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật về thẩm quyền theo cấp và theo lãnh thổ.

Bị đơn là Công ty TL do ông Trần L làm giám đốc đại diện theo pháp luật không có yêu cầu phản tố, chống đối không đến Tòa án làm việc nên Tòa án phải tiến hành đầy đủ các thủ tục thông báo, niêm yết và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

-Về hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT ngày 07/4/2017: Cụng ty TNHH một thành viên XG (gọi tắt là công ty XG) và Công ty cổ phần bao bì và XNK TL (gọi tắt là công ty TL) có đầy đủ tư cách pháp nhân, tham gia giao kết Hợp đồng kinh tế để thực hiện hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực kinh doanh đó đăng ký, các bên hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Các điều khoản thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT ngày 07/4/2017 không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xó hội. Do đó Hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT ngày 07/4/2017 là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực toàn bộ.

Về nội dung hợp đồng: Hai bên thỏa thuận mua bán hàng hóa là manh dệt P.P, manh cuộn màu trắng. Cụ thể, công ty XG sẽ sản xuất theo đơn hàng công ty TL yêu cầu là loại manh dệt màu trắng, sợi chỉ dai, mật độ dệt 12x14 sợi/inch, đóng gói cuộn chặt bọc ngoài tránh bụi bẩn, đơn giá là 24.000đ/kg (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng), phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản sau khi hàng nhập kho bên mua từ 05 đến 14 ngày, ngoài ra còn nhiều thỏa thuận khác. Hiệu lực của hợp đồng đến hết ngày 31/12/2017. Hai bên đã mua bán với nhau nhiều lần (khoảng 8 lần) sau đó công ty TL không thanh toán tiền mua hàng dẫn đến tranh chấp. Giữa hai bên đã lập biên bản chốt công nợ hai lần, lần thứ nhất hai bên lập biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/7/2017 để chốt nợ từ ngày 17/5/2017 đến hết ngày 19/6/2017 cụ thể hai bên xác định công ty TL còn nợ công ty XG tổng cộng 541.904.000đ. Lần thứ hai, giữa công ty XG và công ty TL lại tiếp tục đối chiếu công nợ và lập Biên bản đối chiếu công nợ mua bán manh dệt từ ngày 25/7/2017 đến 12/12/2017, đại diện công ty TL là ông Trần L đã ký xác nhận. Công ty TL chỉ thừa nhận còn nợ công ty XG 241.904.000đ tiền hàng và đề nghị công ty XG cho trả nợ dần với lý do ngày 05/7/2017 giữa hai công ty đã tiến hành đối chiếu công nợ và chốt số nợ giữa hai công ty còn lại là 541.904.000đ. Sau khi chốt công nợ thì công ty TL đã chuyển khoản trả 150.000.000đ vào tài khoản của công ty XG vào ngày25/7/2017 và có một lần trả 150.000.000đ nhưng không nhớ ngày (sau này xác định trả vào ngày 02/6/2017). Tuy nhiên theo Bảng sao kê chi tiết giao dịch của Ngân hàng Công thương Việt Nam- Chi nhánh Vĩnh Phúc đối với các giao dịch của công ty XG thì kể từ ngày chốt đối chiếu công nợ lần đầu (ngày 05/7/2017) công ty TL chỉ chuyển khoản trả một lần với số tiền 150.000.000đ vào ngày 25/7/2017, ngoài ra có một lần chuyển khoản 150.000.000đ nhưng là vào ngày 02/6/2017, tức là trước ngày đối chiếu công nợ lần 1. Việc ông Trần L khai có một lần trả khác với số tiền 150.000.000đ và cho rằng số tiền này bà G đã tính vào số tiền hàng công ty đặt nhưng không lấy là không có cơ sở và công ty cũng không đưa được chứng cứ chứng minh việc trả này. Bà G đại diện cho công ty XG đã khẳng định tại Biên bản đối chiếu công nợ lần hai đã xác định sau khi trừ số tiền 150 triệu chuyển khoản trả ngày 25/7/2017 thì Công ty TL còn nợ lại tổng cộng là 391.544.000đ. Sở dĩ có sự đối chiếu lại công nợ vì vào ngày 25/7/2017công ty TL có chuyển trả 150.000.000đ tiền hàng vào tài khoản công ty nên mới đối chiếu lại. Tuy nhiên tại thời điểm đó công ty TL đã đặt một đơn hàng là 10 tấn manh dệt khổ 48 có trị giá 150.000.000đ sau đó không lấy, hiện hàng vẫn tồn tại kho của công ty XG. Tại Biên bản đối chiếu công nợ lần hai đã xác định sau khi trừ số tiền 150 triệu chuyển khoản trả ngày 25/7/2017 thì Công ty TL còn nợ lại tổng cộng là 391.544.000đ,

tuy nhiên bà G đại diện cho công ty XG yêu cầu số tiền chuyển khoản này trừ vào tiền hàng chưa chuyển theo đơn đặt hàng trước đó trị giá 150.000.000đ nên vẫn ghi lại tổng nợ là 541.544.000đ. Như vậy có thể xác định chính xác về số tiền hàng công ty TL còn nợ công ty XG số tiền hàng là 391.544.000đ (ba trăm chín mươi mốt nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng).

Về số tiền 150.000.000đ công ty yêu cầu yêu cầu công ty TL phải trả cho đơn hàng đặt khổ 48 sau này nhưng công ty TL không lấy và hiện vẫn đang tồn kho: Vào ngày 14/02/2019, bà G đại diện cho công ty XG đã có lời khai rút yêu cầu này. Tại phiên tòa bà G đại diện cho công ty XG tiếp tục rút yêu cầu về tính lãi đối với số tiền chậm trả, chỉ còn giữ lại yêu cầu duy nhất là buộc công ty TL phải thanh toán trả hết số tiền hàng theo biên bản đối chiếu công nợ lần hai là 391.544.000đ. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên ghi nhận và không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Số tiền công ty XG yêu cầu công ty TL phải thanh toán theo Biên bản đối chiếu công nợ là 391.544.000đ (ba trăm chín mươi mốt nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng). Tranh chấp trong vụ án này được áp dụng án phí có giá ngạch. Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng ỏn phớ và lệ phớ Tũa ỏn, án phớ là: 391.544.000đ x 5% = 19.577.200đ, làm tròn số= 19.577.000 đồng.

Án phí kinh doanh thương mại 19.577.000 đồng Cụng ty TL phải chịu.

Cụng ty XG không phải chịu án phí do yêu cầu được chấp nhận. Công ty đó nộp 14.970.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tũa ỏn số AC/2015/0001393 ngày 03/10/2018 của Chi cục Thi hành ỏn dõn sự huyện Sóc Sơn nay được hoàn trả lại.

Vỡ cỏc lẽ trờn,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 30, 35, 147, 220, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 351, 428, 429, 440 Bộ luật Dõn sự.
- Khoản 1 Điều 24, Điều 50 Luật Thương mại.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng ỏn phớ và lệ phớ Tũa ỏn.

Xử:

[1] Chấp nhận yờu cầu khởi kiện của Cụng ty TNHH một thành viên XG đối với Công ty cổ phần sản xuất bao bì và xuất nhập khẩu TL về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

[2] Buộc Cụng ty cổ phần sản xuất bao bì và xuất nhập khẩu TL phải thanh toỏn cho Cụng ty TNHH một thành viên XG tổng số tiền theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 12/12/2017 là: **391.544.000 đồng** (***Ba trăm chín mươi mốt triệu năm trăm bốn mươi bốn đồng***).

[3] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án cũn phải chịu khoản tiền lói theo mức lói suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước quy định của số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian cũn phải thi hành.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thỡ người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Cụng ty cổ phần sản xuất bao bì và xuất nhập khẩu TL phải nộp 19.577.000 đồng án phí để sung công quỹ Nhà nước.

Cụng ty TNHH một thành viên XG không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí 14.970.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tũa ỏn số AC/2015/0001393 ngày 03/10/2018 của Chi cục Thi hành ỏn dõn sự huyện Sóc Sơn.

Án xử công khai sơ thẩm, Cụng ty TNHH một thành viên XG cú quyền khỏng cỏo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyờn ỏn. Cụng ty cổ phần sản xuất bao bì và xuất nhập khẩu TL có quyền khỏng cỏo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng.*
- *VKSND h.Sóc Sơn.*
- *TAND TP. Hà Nội.*
- *THA huyện Sóc Sơn.*
- *Lưu HSơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIấN TOÀ

Nguyễn Khắc Hải